TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/ 6 /2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nhường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bình.
Ông Vũ Văn Quý.

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sông Cg, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Cg, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Cg , tỉnh Thái Nguyên xét xử Cg khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên Đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1981/ có mặt.
Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Dương Quốc C - sinh 1960/ có mặt.
Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Dương Quốc C về sống chung với nhau từ năm 2007 đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Thái Nguyên (nay là phường L, thành phố Sông Cg), tỉnh Thái Nguyên, hôn nhân là tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc những năm đầu, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C luôn cờ bạc, lô đề dẫn đến nợ nần, anh C thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời, uống rượu về nhà chửi bới, đánh đập chị và các con. Thậm chí anh C còn vu khống cho chị đi quan hệ với người này, người kia để đánh đập đe dọa

tính mạng của chị và hai con, đã từ lâu anh C không quan tâm đến gia đình vợ, con. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh C tu chí làm ăn để vợ chồng cùng nuôi dạy hai con chung, nhưng anh C vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Quốc C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Dương Thị Ngọc A, sinh 02/11/2007; Dương Tuyết C, sinh ngày 07/4/2013. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Cg nợ chung: Chị xác định không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bị đơn là anh Dương Quốc C trình bày: Vợ chồng anh về chung sống với nhau từ năm 2007 đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Thái Nguyên (nay là phường L, thành phố Sông Cg), tỉnh Thái Nguyên. Hôn nhân là tự nguyện đúng như chị L trình bày, quá trình chung sống từ năm 2007 đến nay anh C khẳng định vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, anh đi làm đều mang tiền về cho vợ nuôi hai con, kể từ khi vợ anh đi làm phụ xây đến nay, chị L hay đi đêm về khuya, nhiều hôm 9 đến 10 giờ đêm mới về nhà. Có hôm chị L đang nấu cơm có điện thoại là chị L bỏ không nấu cơm nữa mà lấy xe đi cho đến khuya mới về nhà, anh có nói thế nào chị L cũng không nghe. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Dương Thị Ngọc Anh, sinh 02/11/2007 và Dương Tuyết Chinh, sinh ngày 07/4/2013. Anh C không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh C không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến, yêu cầu gì về tài sản chung.

Về Cg nợ: Anh C xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị L khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung với bị đơn là anh Dương Quốc C. Bị đơn có hộ khẩu

thường trú và đang cư trú tại tổ dân phố Ph, phường L, TP Sông Cg, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Cg, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Dương Quốc C chung sống với nhau từ năm 2007 đến năm 2012 mơi đăng ký kết hôn, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu, hôn nhân là do tự nguyện, có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Cg nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C sa vào tệ nạn cờ bạc, lô đề dẫn đến nợ nần, anh C thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời, uống rượu về nhà chửi bới, đánh đập chị và các con. Thậm chí anh C còn vu khống cho chị đi quan hệ với người này, người kia để đánh đập đe dọa tính mạng của chị và hai con, đã từ lâu anh C không quan tâm đến gia đình vợ, con. Chị L đã nhiều lần khuyên bảo anh C tu chí làm ăn để vợ chồng cùng nuôi dạy hai con chung, nhưng anh C vẫn không thay đổi, vợ chồng chị sống cùng nhà nhưng mỗi người một phòng, đã sống ly thân được một thời gian dài, hiện không ai còn quan tâm đến ai.

Tại phiên Tòa chị L cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C không nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh C quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của chị L được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX giải quyết cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Dương Quốc C.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Dương Quốc C trong quá trình chung sống đã có có 02 con chung Lê Dương Thị Ngọc Anh, sinh 02/11/2007 và Dương Tuyết Chinh, sinh ngày 07/4/2013. Quá trình giải quyết chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa cả chị L và anh C đều có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị L, anh C về việc giao con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, hiện con chung Lê Dương Thị Ngọc Anh, sinh 02/11/2007 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với chị L, cháu Dương Tuyết Chinh, sinh ngày 07/4/2013 là con gái lại còn nhỏ cần có mẹ

chăm sóc, chị L có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, nguyện vọng trên phù hợp với yêu cầu của chị L và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về điều kiện nuôi con chung: Chị L đang đi làm thuê phụ xây, Cg việc thu nhập, nhà cửa ổn định, hiện tại hai con chung đang ở cùng nhà với chị và anh C nhưng chỉ có chị chăm lo cho hai con chu đáo, hai cháu phát triển bình thường, còn anh C đã từ lâu không quan tâm, chăm sóc gì tới hai con chung mà còn làm cho hai cháu sợ hãi mỗi khi anh C đi uống rượu về, làm khủng hoảng tới tinh thần của hai cháu và ảnh hưởng tới học tập, phát triển của hai cháu. Để đảm bảo quyền và lợi ích của người phụ nữ và trẻ em sau khi ly hôn, không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi hai con chung của chị L, giao 2 con chung Lê Dương Thị Ngọc Anh, sinh 02/11/2007 và Dương Tuyết Chinh, sinh ngày 07/4/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét giải quyết. Về nợ chung, hai bên đều xác định không có.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Dương Quốc C. Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Dương Quốc C.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Lê Dương Thị Ngọc Anh, sinh 02/11/2007 và Dương Tuyết Chinh, sinh ngày 07/4/2013 cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được phép ngăn cản

quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Lê Thị L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3].Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Hai bên đều xác định không có.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Cg, tỉnh Thái Nguyên, biên lai thu số 0007675 ngày 08 tháng 5 năm 2019.

[5]. Quyền kháng cáo: Án xử Cg khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND TPSC;
- Chi cục THADSTPSC;
- Các đương sự;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường